

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 387/2016/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 78/TTr-SNV ngày 17 tháng 3 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2016 và thay thế Quyết định số 141/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu
Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND
huyện, thành phố trong thi hành công vụ**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 387/2016/QĐ-UBND
ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu Sở, cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thi hành công vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh được quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, gồm: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang; trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn; trường Cao đẳng Nghề Bắc Giang.

3. Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

(Sau đây gọi chung là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương).

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo theo tiêu chí, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, ý thức chấp hành và xếp loại theo thứ tự tổng số điểm đạt được từ cao đến thấp.

2. Chấm điểm, đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo thực chất, khách quan, dân chủ, công bằng và công khai.

Chương II

TIÊU CHÍ, CÁCH ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

Điều 4. Tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương

Đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ chung, nhiệm vụ riêng do người đứng đầu cơ quan, đơn vị,

địa phương đăng ký và được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chấp thuận; nhận xét, đánh giá của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối hoặc lĩnh vực và kết quả bình xét thi đua hằng năm theo khối.

1. Nhiệm vụ chung

Nhiệm vụ chung là 05 nhiệm vụ mà người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đều phải thực hiện gồm:

a) gương mẫu, chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên; tổ chức, điều hành cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có chất lượng và đúng thời hạn được giao;

b) Ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi;

c) Quản lý, sử dụng biên chế hiệu quả, hợp lý; bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức; đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, nâng lương, cử dự thi nâng ngạch; khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức của UBND tỉnh;

d) Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, bao gồm: cải cách thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa điện tử hiện đại; chỉ đạo, điều hành, lập kế hoạch, chương trình, kiểm soát việc tổ chức thực hiện cải cách hành chính theo quy định của pháp luật, đảm bảo thời gian, chất lượng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chỉ đạo thực hiện nghiêm cải cách công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính; quy chế văn hóa công sở.

đ) Tổ chức thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị, địa phương; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản công được giao; sử dụng nguồn tài chính, tài sản, trang thiết bị đúng quy định của pháp luật; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, thất thoát.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm cụ thể 05 nhiệm vụ chung phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện hiệu quả, chất lượng.

2. Nhiệm vụ riêng

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn đăng ký từ 03 đến 05 nhiệm vụ quan trọng là nhiệm vụ khó, đòi hỏi người đứng đầu và tập thể lãnh đạo phải có quyết tâm cao để chỉ đạo thực hiện; kết quả thực hiện các nhiệm vụ này có tác động chuyển biến tích cực đến tình hình thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Những nhiệm vụ đăng ký phải được Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối, lĩnh vực đồng ý và Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chấp thuận.

3. Nhận xét, đánh giá của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh về công tác lãnh đạo quản lý, điều hành hoạt động chung của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm.

4. Kết quả bình xét thi đua khen thưởng hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 5. Cách chấm điểm

1. Quy định chung

a) Tổng điểm của 05 nhiệm vụ chung được tính tối đa 300 điểm; mỗi nhiệm vụ hoàn thành tính tối đa 60 điểm;

b) Tổng điểm của các nhiệm vụ riêng được tính tối đa 400 điểm. Mỗi nhiệm vụ hoàn thành được tính bằng 400 điểm chia đều cho các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chấp thuận;

c) Tổng điểm do Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhận xét, đánh giá được tính tối đa 200 điểm. Theo 04 mức độ: xuất sắc 200 điểm; tốt 150 điểm; trung bình 100 điểm; kém 50 điểm;

d) Tổng điểm kết quả bình xét thi đua khen thưởng của các cơ quan, địa phương, đơn vị theo khối được tính tối đa 100 điểm, gồm 05 mức:

Cơ quan, địa phương, đơn vị được suy tôn Cờ thi đua Chính phủ: 100 điểm;

Cơ quan, địa phương, đơn vị được suy tôn Cờ thi đua hạng nhất của UBND tỉnh; Cờ thi đua của Bộ, ngành Trung ương: 90 điểm;

Cơ quan, địa phương, đơn vị được suy tôn Cờ thi đua hạng nhì của UBND tỉnh: 80 điểm;

Cơ quan, địa phương, đơn vị được suy tôn Cờ thi đua hạng ba của UBND tỉnh: 70 điểm;

Cơ quan, địa phương, đơn vị không được suy tôn Cờ thi đua: 60 điểm;

Cơ quan, địa phương, đơn vị được suy tôn nhiều hình thức khen thưởng trong năm thì lấy kết quả hình thức suy tôn cao nhất để tính điểm;

e) Không tính điểm cộng đối với những nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ chung;

Nhiệm vụ định tính;

Nhiệm vụ không thực hiện được phải điều chỉnh sang nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ khác.

2. Cách chấm điểm nhiệm vụ định lượng

a) Những nhiệm vụ có cả hai tiêu chí thời gian hoàn thành và khối lượng hoàn thành đạt kế hoạch tính điểm tối đa;

b) Những nhiệm vụ hoàn thành tiêu chí về thời gian và khối lượng hoàn thành vượt kế hoạch từ 10% đến 30% được cộng 01 điểm; từ 31% đến 50% được cộng 02 điểm; từ 51% đến dưới 70% được cộng 03 điểm; từ 70% trở lên được cộng 05 điểm.

c) Những nhiệm vụ không hoàn thành kế hoạch

Nhiệm vụ hoàn thành tiêu chí về thời gian và đạt từ 70% đến dưới 100% tiêu chí về khối lượng, tính 70% số điểm tối đa;

Nhiệm vụ hoàn thành tiêu chí về thời gian và đạt từ 50% đến dưới 70% tiêu chí về khối lượng, tính 30% số điểm tối đa;

Nhiệm vụ có khối lượng hoàn thành đạt dưới 50% kế hoạch hoặc không hoàn thành tiêu chí về thời gian và có khối lượng hoàn thành đạt từ 50% đến dưới 70%, không tính điểm;

Nhiệm vụ không hoàn thành tiêu chí về thời gian và đạt từ 70% tiêu chí về khối lượng trở lên, tính 50% số điểm tối đa.

Nhiệm vụ do người đứng đầu đăng ký đã được chấp thuận do khách quan không thực hiện được phải điều chỉnh sang nhiệm vụ khác hoặc điều chỉnh về thời gian, tính điểm tối đa bằng 80% tổng số điểm theo định mức của nhiệm vụ đó; do chủ quan không thực hiện được phải điều chỉnh sang nhiệm vụ khác, tính điểm tối đa bằng 50% tổng số điểm của nhiệm vụ đó.

3. Cách chấm điểm những nhiệm vụ định tính

a) Những nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch tính điểm tối đa;

b) Những nhiệm vụ không hoàn thành kế hoạch không được tính điểm.

4. Cách tính điểm trừ

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện cơ chế một cửa theo quy định của UBND tỉnh; thực hiện không đúng quy định về bộ thủ tục hành chính; huyện, thành phố có xã, phường, thị trấn chưa thực hiện cơ chế một cửa trừ 20 điểm (cơ quan, đơn vị không có chức năng thực hiện cơ chế một cửa theo quy định của Chính phủ thì không trừ điểm);

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện không nghiêm quy định về văn hóa công sở, bị cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê bình bằng văn bản, trừ 20 điểm;

c) Tham mưu ban hành văn bản sai sót phải sửa đổi, đính chính, mỗi văn bản trừ 10 điểm; đình chỉ thi hành, mỗi văn bản trừ 20 điểm; trái quy định phải hủy bỏ, mỗi văn bản trừ 30 điểm; bị Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nhắc nhở, phê bình bằng văn bản, mỗi lần trừ 10 điểm; nội dung trình phiên họp UBND tỉnh không được thông qua, mỗi nội dung trừ 10 điểm;

d) Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết, trừ 30 điểm; chấp hành chế độ thông tin báo cáo chậm so với quy định, mỗi lần chậm trừ 05 điểm; không báo cáo, trừ 10 điểm (bao gồm báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất);

đ) Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính phải xử lý: buộc thôi việc, trừ 20 điểm; cảnh cáo, trừ 15 điểm; khiển trách, trừ 10 điểm; có công chức, viên chức vi phạm các quy định về an toàn giao thông và quy định khác, mỗi lần vi phạm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trừ 10 điểm;

e) Vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách, kinh phí được giao bị cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết luận có sai phạm đến mức phải xử lý thu hồi tiền, tài sản, trừ 30 điểm; địa phương để nợ đọng nguồn vốn xây dựng cơ bản, cứ 10 tỷ đồng trừ 10 điểm.

g) Trong giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Cơ quan, đơn vị, địa phương có công dân tập trung đông người lên tỉnh hoặc ra Trung ương khiếu kiện, mỗi vụ trừ 10 điểm;

Cơ quan, đơn vị, địa phương bị Chủ tịch UBND tỉnh nhắc nhở, phê bình bằng văn bản trong việc thi hành các Quyết định, Kết luận giải quyết khiếu nại tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; trong việc giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền, mỗi lần trừ 10 điểm;

Cơ quan, đơn vị, địa phương có số vụ việc bị Chủ tịch UBND tỉnh cải sửa, yêu cầu giải quyết lại chiếm từ 50% trở lên tổng số các vụ việc của cơ quan, địa phương, đơn vị đó được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết, trừ 15 điểm; dưới 50% trừ 10 điểm;

Cơ quan, đơn vị, địa phương có số vụ việc bị Chủ tịch UBND tỉnh hủy bỏ chiếm từ 50% trở lên tổng số các vụ việc của cơ quan, địa phương, đơn vị đó được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết, trừ 20 điểm; dưới 50% trừ 15 điểm;

h) Chưa ban hành Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc (kể cả UBND cấp xã đối với Chủ tịch UBND huyện, thành phố) hoặc ban hành Quy định nhưng không thực hiện, trừ 20 điểm.

Điều 6. Khung điểm xếp loại

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

Tổng số điểm từ 1.000 điểm trở lên.

Số lượng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tối đa 20% so với tổng số và xếp theo thứ tự từ cao đến thấp.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Tổng số điểm từ 1.000 điểm trở lên.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Tổng số điểm từ 900 điểm đến dưới 1.000 điểm.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Tổng số điểm dưới 900 điểm.

Điều 7. Quy trình đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm điểm, đánh giá trách nhiệm và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, e

Khoản 1 và Khoản 2, 3, 4 Điều 5 Quy định này gửi Tổ công tác giúp việc Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Tổ công tác giúp việc Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, thẩm định việc tự chấm điểm, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thi hành công vụ.

3. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, đánh giá nhận xét toàn diện và cho điểm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

4. Các khối thi đua bình xét kết quả thi đua các cơ quan, đơn vị, địa phương theo khối theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 5 Quy định này.

5. Sở Nội vụ tổng hợp kết quả rà soát, chấm điểm của Tổ công tác; kết quả chấm điểm của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và điểm kết quả bình xét thi đua khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xếp loại trách nhiệm người đứng đầu theo khung điểm xếp loại được quy định tại Điều 6 Quy định này theo thứ tự từ người có tổng số điểm cao đến thấp; báo cáo UBND tỉnh và thông báo kết quả xếp loại tới các Sở, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và Huyện ủy, Thành ủy, UBND huyện, thành phố.

Điều 8. Biểu dương, khen thưởng và xem xét xử lý trách nhiệm người đứng đầu

1. Biểu dương

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có cách làm mới, sáng tạo, mang lại hiệu quả cao được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, biểu dương.

2. Khen thưởng

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, khen thưởng.

3. Xử lý trách nhiệm

Chủ tịch UBND tỉnh phê bình người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có 01 năm xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ trong kỳ bổ nhiệm chức vụ hoặc bầu cử; đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, bố trí công tác khác hoặc miễn nhiệm trong trường hợp 02 năm liên tục xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp huyện, chỉ đạo của ngành dọc cấp trên, của UBND tỉnh và đặc điểm tình hình của ngành, đơn vị, địa phương để lựa chọn xây dựng từ 03 đến 05 nhiệm vụ riêng; đồng

thời cụ thể hóa 05 nhiệm vụ chung nêu tại Khoản 1, Điều 4 Quy định này gửi Sở Nội vụ tổng hợp, xin ý kiến Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối hoặc lĩnh vực trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chấp thuận.

2. Ban hành và chỉ đạo thực hiện Quyết định quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc (kể cả UBND cấp xã đối với Chủ tịch UBND huyện, thành phố).

3. Báo cáo tự đánh giá, kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và tự chấm điểm gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15/12 hàng năm; đồng thời đăng ký nhiệm vụ trọng tâm năm sau gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15/01 hàng năm.

Điều 10. Trách nhiệm của Tổ công tác

1. Tổ công tác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập gồm 01 Lãnh đạo Sở Nội vụ làm Tổ trưởng; đại diện lãnh đạo, chuyên viên có liên quan thuộc các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh.

2. Tổ công tác có nhiệm vụ giúp Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, chấm điểm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn thực hiện Quy định này;

b) Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, thẩm định việc đăng ký, chấm điểm xếp loại trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thi hành công vụ; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chấp thuận và xếp loại trách nhiệm người đứng đầu.

c) Tổng hợp kết quả chấm điểm của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh về công tác lãnh đạo quản lý, điều hành, kết quả chấm điểm bình xét thi đua khen thưởng hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Dự kiến xếp loại trách nhiệm người đứng đầu trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh thẩm định việc đăng ký, chấm điểm xếp loại trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thi hành công vụ;

b) Tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng các báo cáo đánh giá phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng kế hoạch năm theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh

Tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chậm hoặc không thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; các văn bản nhắc nhở, phê bình người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa

phương của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Linh